

Bài 69. Kinh Tăng Chi | Chương Ba pháp | Phẩm Kusiṇāra (tt) | Sư Giác Nguyên giảng 03/06/2018

Trước khi học Kinh Hatthaka, mình ôn lại bài cũ một chút.

Ở đời, do có ba hạng chúng sinh nên mới có ba hạng đạo sư:

1. Hạng thứ nhất là chìm đắm trong năm dục. Từ đó xuất hiện loại thầy dạy người ta lìa năm dục, thấy năm dục là tội khổ.
2. Hạng thứ hai là loại chúng sinh còn chìm đắm trong thiền, nên xuất hiện loại thầy dạy người ta ra khỏi thiền Sắc giới để vô thiền Vô sắc.
3. Hạng thứ ba dạy người ta thấy rằng cảm giác nào cũng là khổ. Hễ còn chút xíu danh pháp, thọ, cũng còn là khổ. Nên hạng thầy này mới là rốt ráo.

Sẵn đây tôi nói luôn, chúng ta ngày nào chưa biết Phật pháp thì chúng ta thích tùm lum hết. Cái gì cũng thích, có điều là cái thích của người này không giống cái thích của người kia. Điểm này rất quan trọng.

Ngày chưa biết Đạo, mình thấy người ta nhậu nhẹt, bài bạc, trác táng, hưởng thụ thì mình thấy người ta thấp. Còn mình thì chơi đàn, hội họa, chơi lan kiểng, Yoga, Thái cực quyền, đi du lịch, sưu tầm đồ cổ, chơi tem... Mình thấy coi bộ mình cao hơn người ta. Nhưng thực ra, theo trong Kinh, tất cả đều nằm trong năm dục. Nó chỉ là biến tướng thôi.

Xin lỗi, nói thấy kỳ, năm dục trong mắt người đặc thiên thì nó giống như đồng phân vậy đó. Chỉ khác nhau cái phân khô, phân ướt. Đồng phân mà phân một nắng khác phân còn tươi, khác phân mắc mưa, nhưng mà đều là phân, là đáng gồm hết. Tôi biết nói cái này mất vệ sinh, nhưng bắt buộc phải nói. Đây là ví dụ trong Kinh nói chớ không phải tôi nói. Năm dục giống như đồng phân vậy đó.

Mấy ông thích chơi tem, hội họa, đồ cổ cũng giống như phân mà phân khô. Còn mấy người thích ăn nhậu, bài bạc, chích hút, nghiện ngập cũng là phân, mà phân lầy, phân ướt, phân qua một mưa, phân tươi. Còn cái phân kia thì hơi ráo ráo, nó qua một nắng thì đỡ gớm hơn chút. Nhưng cũng đều là phân hết. Đó là chúng sanh loại một.

Chúng sanh loại hai bắt đầu biết chán, thấy trước mắt, tai, mũi, lưỡi là chưa khá. Nên hạng này mới chuyên tâm thiền định. Nhưng rồi lại bị vướng kẹt ở trong các tầng thiền định.

Đến khi Đức Phật nói riêng và hiền thánh ở đời nói chung, các Ngài ra đời dạy cho mình biết: thích trong dục cũng là thích. Mà hễ thích là còn gieo mầm sanh tử. Thích trong thiền cũng là thích, mà hễ còn thích là còn trong cõi sanh tử. Thiền cỡ nào đi nữa mà chỉ cần còn thích là còn có cơ hội luân hồi, quay trở lại tiếp tục tử sinh. Còn một chút cảm giác thôi, dầu đó là cảm giác trong thiền định, thì một chút xíu cảm giác cũng là còn sanh tử, còn đau khổ, nghĩa là còn thích đó.

Cho nên Ngài dạy có ba loại sư phụ như vậy. Mình đọc bài Kinh này, đọc mà không xem Chú giải thấy khô khô, nhưng thực ra bài Kinh sâu kinh khủng lắm. Bài Kinh nói chúng ta trong đó mà. Bài Kinh nói gọn có hai hàng thôi. Đó là: “Tùy trình độ mà chúng ta thích cái nào. Nhưng thích cái nào cũng là thích. Còn thích là còn tái sinh. Chỉ có bao giờ thấy rằng một chút xíu hiện hữu của cảm thọ, một chút xíu hiện hữu của danh sắc cũng đều là khổ. Thấy như vậy mới đúng là chấm dứt sanh tử.”

Bài Kinh Hatthaka

Hatthaka là tên của một vị Phạm thiên ở cõi Tịnh cư, gọi là cõi Vô phiền, là cõi thấp nhất trong năm cõi Tịnh cư, chỉ dành riêng cho bậc Tam quả.

Sẵn đây tôi nói luôn. Trong room này xuất hiện loại người quái gở, nghe! Đó là Kinh sách thì không chịu đọc mà cứ tưởng tượng, lôi ra loại người làm khổ đời, khổ người, báo đời, báo Đạo. Có một nhân vật nghe rằng “Thất thánh sản”, vội cho rằng là bảy cái tài sản của riêng thánh nhân, có phải chết chưa!

Thật ra Thất thánh sản không phải là tài sản dành riêng cho thánh nhân. Mà chữ “thánh” đây nó có nghĩa là theo định nghĩa của thánh nhân thì vàng bạc, châu báu, nhà đất nó không đáng gọi là tài sản. Cái mà thánh nhân gọi là tài sản trong cõi luân hồi chính là các thiện pháp gồm: tín, thí, văn, giới, tàm, úy, trí. Bạc Thánh gọi những cái đó là tài sản, cho kẻ còn lui tới luân hồi thì nên coi đó là tài sản theo định nghĩa của các bậc Thánh, chứ không phải bảy cái này dành riêng cho thánh nhân.

Vậy mà có kẻ nghe rồi thắc mắc: “Ủa, bảy tài sản này của thánh nhân mà sao phàm ở đâu mà có bảy cái này?” Đó là cái tào lao thứ nhất.

Cái tào lao thứ hai nữa là tôi nói không có cái tài sản vật chất nào mà nó theo mình qua khỏi một kiếp sống hết. Thí dụ bây giờ tôi giàu, tôi chỉ lo làm giàu, không tu hành gì hết thì tôi chỉ hưởng một đời này thôi. Nhưng nếu tôi tu tập bảy cái pháp Thánh sản đó thì tôi có thể hưởng nhiều đời, nhiều trăm, nhiều ngàn, mấy trăm ngàn đời.

Họ nghe vậy họ ngạc nhiên nữa: “Ủa, sao tài sản gì xài lâu như vậy?” Cái này tôi phải nói thêm là tùy người, nghe! Tùy mình tạo bằng cái tâm gì, việc mình làm là việc gì, và đối tượng mình tạo phước đó là ai. Thí dụ như mình cúng dường cho một vị Phật thì coi như cái phước đó mình ăn không biết bao nhiêu kiếp mới hết.

Thí dụ trong Kinh nói ngài Mahakaccāyana, ngài cúng dường cho Đức Phật (...), suốt 100.000 đại kiếp, thì dĩ nhiên ngài có tu thêm, nhưng phải nói quan trọng nhất là do cái tâm của Ngài, cái tâm lúc Ngài tạo. Ngài cúng dường cho 100.000 vị tỷ kheo La hán mà có Đức Phật là thượng thủ, chủ tọa chứng minh. Mà không biết Ngài làm với tâm gì, mà mình hiểu ngầm theo A-tỳ-đàm đó là tâm đại thiện thọ hỷ hợp trí và vô trợ, mà đối tượng quá là vĩ đại, quá là xứng đáng. Nên Ngài đã hưởng phước đó trong 100.000 đại kiếp.

Mà các vị biết một đại kiếp như vậy là không biết bao nhiêu tỉ năm, bao nhiêu lần mình tái sinh. Cho nên mình nghe một cái phước mà hưởng mấy chục ngàn đời,

chuyện đó không có gì lạ. Vấn đề là anh làm cái phước gì. Thứ hai là anh làm bằng tâm trạng như thế nào. Và ba là đối tượng đó ra sao.

Anh làm gì là chuyện quan trọng. Thí dụ gặp Đức Phật mà cúng cây tăm xỉa răng không thì không đáng kể. Đàng này vị này cúng dường suốt bảy ngày như vậy. Còn đối tượng là đối tượng nào, tập thể hay cá nhân, phàm hay thánh, mà thánh thì thánh cỡ nào. Thứ ba là tâm trạng. Anh làm kiểu mà cầu danh, cầu lợi, kiểu mà cà lơ phất phơ, kiểu ầu ơ ví dầu, kiểu thẳng ngu, thẳng không đức tin, nổi hứng mà làm thì thứ đó phước không có nhiều.

Đàng này anh làm với tất cả niềm tin, tất cả sự thiết tha, trong sự có mặt của trí tuệ, của chánh niệm, thì đó mới là công đức lớn, đối tượng xứng đáng cộng với việc mình làm là việc có ý nghĩa. Chớ cúng cây tăm xỉa răng không thì nó là cái gì.

Ở đây tôi không có chê vấn đề giá trị vật chất trong cúng dường. Tôi nói rõ: tôi không chê. Nhưng mình phải nhìn nhận cái gì đơn giản quá thì cái tâm mình khó mà lớn lao theo kịp.

Tôi ví dụ, bây giờ tôi trai tăng Đức Phật 7 ngày thì cái tâm tôi lúc đó làm sao. Đàng này tôi thấy Ngài đang đi mưa, tôi lại đưa cho Ngài cái lá sen rồi thì thôi. Thì các vị tưởng tượng đi. Ở đây không phải là tiền, mà vấn đề là cái động tác và thời gian mà thực hiện chuyện đó nó đâu đáng kể. Chỉ đưa cho Ngài cái lá sen, cây dù là xong. Làm sao bằng cái việc tôi thỉnh Ngài và 100.000 vị A-la-hán về nhà tôi để mà tôi cúng dường trai tăng suốt 7 ngày, hoặc là trong suốt 3 tháng. Các vị thấy cái phước nó khác chứ? Vậy nhe, cái tên nào đó bớt bớt tào lao lại, nhe!

Bây giờ mình trở lại Kinh Hatthaka. Cái vị này là một Phạm thiên cõi kia xuống. Nhưng theo trong rất nhiều Kinh khác nói, không phải vị nào ở trên cõi cao xuống đây cũng biết chuyện này. Đó là khi mình xuất hiện ở cảnh giới nào thì mình phải có tướng phù hợp với cảnh giới đó.

Trong Kinh nói, giống như mình đi trên một chỗ đất dễ bị lún, thì khi mình đứng, đất nó yếu; hoặc khi mình đang leo cây, mình biết cái nhánh nó yếu thì mình có cái gượng, có cái nương. Ở đây cũng vậy, một vị Phạm thiên, vị thiên nhân ở cõi Dục thiên, Phạm thiên ở trên cao mà muốn xuống cõi thấp thì vị này cũng phải biết rõ điều đó. Biết rõ là ta phải lưu ý đến hình thức xuất hiện của ta.

Cho nên khi ông này đến đứng trước mặt Đức Phật, ông có tí suy nghĩ thế này: “Ta sẽ đứng thẳng trước mặt Thế Tôn”. Thì Kinh nói lúc đó ông bị lún xuống. Thì Đức Phật Ngài dạy là: “Tự làm thô mình đi”. Ông làm theo lời Ngài thì lập tức ông đứng được. Đây là một chuyện.

Chuyện thứ hai, Ngài mới hỏi ông, theo trong Kinh ghi là: “Các pháp được diễn tiến trước kia khi ông còn là người, các pháp ấy diễn tiến hiện nay có còn hay không?”. Nói theo ngôn ngữ mình ngày nay thì đại khái hỏi là: “Những cái ông tu học kiếp trước giờ còn hay không?”. Thì trong Chú giải nói thế này: “Những cái mà hồi trước ông học, học về Phật pháp, thí dụ về A-tỳ-đàm, về Tam tạng, về Chú giải, bây giờ mấy cái đó còn hay không?”. Ông nói: “Dạ còn”.

Nhưng nó còn kiểu này. Trong Chú giải nói cái đó thì còn. Chính ông Hatthaka cũng nhìn nhận: “Hồi con làm người, con được học cái đó. Bây giờ con vẫn còn nhớ. Nhưng trừ ra một cái nó không còn tiếp tục nữa. Là trừ ra hồi xưa những lần con nhớ sai, con đọc sai, con nhớ lầm, con hiểu lầm”. Trong room có hiểu cái này không?

Thí dụ bây giờ mình mang thân nhân loại nè. Tôi đang học Trung Bộ Kinh số 121, rồi tôi đọc lộn. Nhiều năm rồi tôi cũng hông biết cái chữ đó đọc sai nữa, đọc âm a ầm ớ vậy đó. Tới lúc tôi về cõi Phạm thiên thì những bài Kinh tôi đã học ngày xưa tôi vẫn nhớ y như cũ. Có một điều, những chỗ ngày xưa tôi đọc sai thì bây giờ tôi lại biết, biết là chỗ đó nó sai. Trong Chú giải gọi là “sajjhayamulhaka”, tức là “cái sự nhầm lẫn trong việc tụng đọc”. Ông trả lời với Đức Phật như vậy.

Chú giải mới nói thêm là những cái ống đã học giờ vẫn còn nhớ, nhưng những cái tào lao hồi trước giờ nó không có nữa. Thí dụ như hồi đó đọc sai, phát âm sai, nhớ lộn, hiểu nhầm, bây giờ thì không có. Nhớ nhe, vì bây giờ ống đã là vị Phạm thiên có thần thông, mà nhứt là ống là một vị thánh A-na-hàm nữa.

Rồi ống mới tán thán Đức Phật: “Bạch Thế Tôn, có ba việc mà cả đời con con không bao giờ chán. Việc thứ nhứt là con chiêm ngưỡng Thế Tôn cả đời không chán. Việc thứ hai là con nghe Pháp cả đời không chán. Việc thứ ba là con được phục vụ chư Tăng cả đời không chán. Mà chính vì con không chán như vậy nên bây giờ con mới được như thế này”.

Ở đây tôi cũng mở ngoặc nói thêm, chớ không thôi trong room này có người nghe bị sốc. Họ nói: “Ý ống giảng Kinh này xúi mình hầu hạ ống hoặc mấy ông thầy tu”. Không phải! Ở đây ống đang nói Thánh tăng.

Thánh tăng đặc biệt thế này: Thánh tăng được cúng dường mà lòng không mong được cúng dường. Thánh tăng được lễ bái mà lòng không có vui khi được lễ bái. Thì hàng chư Tăng tàm đó mới được xem là ruộng phước của chư thiên và nhân loại.

Hôm qua mình mới học Kinh, quý vị còn nhớ, Đức Phật Ngài dạy: “Vị tỳ-kheo khi được cúng bái mà lòng còn mong được lần hai, lần ba thì lúc đó vị ấy bản thân mình mắc lỗi mà cũng khiến cho người lễ bái cúng dường mình bị tổn giảm phước báo”. Tổn giảm đây có nghĩa là công đức họ thay vì nó lớn, giờ còn một miếng nhỏ xíu thôi. Thay vì một tấn, giờ còn 100gr.

Còn vị nào khi được lễ bái cúng dường mà lòng không có mong nữa, là thấy sao biết vậy. Người ta cho mình trái chuối, biết trái chuối thôi, không có lòng mong có trái thứ hai. Nó có què nó lạy dập trán xuống chân mình thì mình biết họ đánh lễ vì họ chớ không phải vì mình. Mà họ có cúng dường cũng cúng dường cho họ, họ cầu phước cho họ thôi, mình không có lòng mong nữa. Họ cúng là phước của họ, mà mình có lòng mong có thêm thì là cái bậy của mình. Khổ vậy đó!

Cho nên vị này nói nhìn Thế Tôn hoài không chán, nghe Pháp hoài không chán và được phục vụ chư Thánh tăng hoài không chán.

Trong rất nhiều Kinh, mỗi vị A-la-hán khi cần cũng dùng thần thông một tí. Có nhiều khi kệt quá cũng phải cho người ta biết về mình một chút. Nhưng sau khi cho người ta biết rồi thì vị ấy ra đi luôn, không có quay lại chỗ ấy nữa.

Tôi ví dụ, có một lần đó để cứu người thì Ngài dùng tí thần thông. Nhưng khi người địa phương phát hiện ra Ngài có thần thông thì thông thường người ta không quý vị A-la-hán bằng người có thần thông. Chúng sanh phàm phu đa phần như vậy. Họ không biết La-hán là cái gì, họ chỉ biết vị này có thần thông là họ mê. Thì khi Ngài bất đắc dĩ dùng chút thần thông rồi Ngài thấy người ta kính bái, thương quý, thần tượng mình, Ngài lập tức bỏ đi và không có trở lui chỗ đó nữa. Đó là cái hạnh của La-hán.

Chúng ta biết rằng tỳ-kheo Đầu đà là vị sống giản dị tối đa về vật chất, vấn đề ăn, mặc, ở và thuốc men gọi là Đầu đà, có ba hạng. Hạng một: cả đời mặc y sử dụng do may kết lại từ vải lượm, vải dơ của người ta liệng. Ăn thì không ăn trên bàn ghế, ăn trong bình bát, ăn bằng tay. Vải mặc thì thô xấu, vải lượm nhưng phải may đúng luật, nhuộm phải nhuộm đúng luật. Chớ cái kiểu như Khất sĩ VN vá chằng vá đụp, xin lỗi, nhìn nó rẻ tiền, nhìn như ăn mày, cái đó trật nghe!

Cho nên

Bốn cái đơn giản của đầu đà là trú xứ của đầu đà: không ở nhà, không ở mái che, mà ở ngoài gốc cây, ngoài hang động, đồng rơm. Tuy nhiên, điểm đặc biệt: vị đầu đà có ba hạng.

Hạng một: lìa bỏ phương tiện, tiện nghi vật chất nhưng còn lệ thuộc Phật tử, tín đồ. Có nghĩa là: “Tôi không ăn trong nhà, tôi đi bát tôi sống. Y áo tôi toàn là vải lượm. Nhưng có điều, đệ tử tôi đông nên tôi chỉ đi bát trong khu vực đệ tử tôi thôi. Còn vải xô, lâu lâu đệ tử thấy y cũ, họ liệng mấy sấp vải sau cốc, tôi đem vô tôi cắt may, giặt

này nọ.” Nói chung là hạnh đầu đà nhưng phải nhờ cậy vào đệ tử, Phật tử. Đó là bậc hạ, bậc thấp nhất.

Bậc trung cũng là đơn giản trong vấn đề tứ sự vật chất nhưng không có lệ thuộc tín đồ. Có nghĩa là thấy chỗ nào thích hợp cho đời sống tâm linh, cho thiền định thì tới đó mà ở. Dầu có khó khăn cách mấy, miễn là đời sống tinh thần, tâm linh nó OK, thiền định tốt hơn, giới hạnh tốt hơn, an lạc hơn thì tới đó tu, chớ không lệ thuộc Phật tử như ông bậc hạ.

Ông bậc thượng mới là ghê! Ông cũng lượm vải về may, về cắt, ông giặt, ông nhuộm. Ông cũng đi khất thực, cũng sống dưới gốc cây, hang động, không sống chỗ có mái che. Nhưng ông cao hơn hai ông kia một điểm là bất cứ khi nào ông phát hiện ở đó có người mà họ quý trọng, kính mến mình là ông bỏ ông đi. Ông không muốn hoan hỷ trong chuyện người ta phát hiện mình.

Còn thời nay có giới, có thiền là đã hiếm, chớ đừng nói tới chuyện có rồi mà không muốn người khác biết thì cái loại này coi như còn hiếm nữa! Ngày nay có giới, có thiền, có tà, có úy, có đa văn, có trí tuệ là đã hiếm. Còn đảng này, hồi xưa có cả nhiều hạng, cả ba hạng.

Hạng một là đầu đà bậc hạ, có nghĩa là tuy khất thực, tuy sống gốc cây, mặc vải lượm, nhưng cũng còn lệ thuộc đệ tử, học trò cúng dường.

Hạng hai không còn dính vào người nhưng còn dính vào trong cái pháp tu của mình. Có nghĩa là cũng còn thấy mình hay, mình giỏi.

Hạng thứ ba thì khi được phát hiện ra, người ta chú ý tới mình, hạnh tu mình, không hoan hỷ trong chuyện được người ta bái sám thì bỏ đi ngay.

Sở dĩ tôi kể rõ cho quý vị nghe: hạnh tu của người xuất gia thứ thiệt nó thậm thâm, chứ không phải như một số Phật tử hiểu lầm là cạo đầu cho láng, đắp y áo lên rồi tụng kinh, thuyết pháp ào ào, đó là bậc xuất gia khả kính.

Bây giờ các vị vào Facebook, tôi nhìn mấy cái hình mấy ông sư selfie rồi Phật tử quỳ lạy cúng dường, tôi nổi da gà, tôi nhột, rồi nhục, mà hông biết sao nhiều người họ thấy cái đó nó hay. Ngồi đó trẻ măng, rồi một đám đông ngồi ở dưới nó quỳ nó lạy, rồi ở dưới comment nào là “sadhu, sadhu”, rồi “hoan hỷ quá”.

Tôi nói: “Trời đất ơi!” Nói ra quý vị chém tôi, tôi cũng phải nói thiệt. Tôi lạy các vị dẹp dùm mấy cái vụ đó đi, nó nhục, nhục lắm. Người mà không tin Phật, họ thấy cái đó họ bỏ Phật luôn. Họ nói: “Cái đạo gì rẻ tiền quá.”

Nhứt là thiền. Tôi ngạc nhiên, thiền mà sao lúc nào cũng có hình, có người rình chụp là sao trời? Thí dụ mình là Ajahn Chah, là ngài Ledi thì hông sao. Mà mình là vô danh tét bét, mà cứ thiền là một, khất thực là hai, thuyết pháp là ba, ở đâu mà có hình sẵn, làm như có nguyên một bộ sậu đi theo vậy đó. Cái đó là dờm, nghe!

Bây giờ nói tới Vô Phiền là phải nói tới năm cõi Tịnh cư. Thật ra Phật giáo Nguyên thủy cũng có cõi Tịnh độ, nhưng Tịnh độ bên Nguyên thủy không giống Tịnh độ bên Bắc Tông.

Bên Bắc Tông, niệm A Di Đà rồi về sống chung dưới sự hộ trì, gia bị của đức Phật Tây phương tiếp dẫn Đạo sư A Di Đà Phật, qua Cửu phẩm liên hoa, tòa sen chín tầng. Ai mà thường xuyên trì niệm nhất tâm bất loạn lục tự Di Đà thì chết sẽ về đó.

Nhưng cõi Tịnh độ bên Nam Tông chính là cõi Tịnh cư. Pali là “Suddhāvāsa”, dịch chính xác là tịnh cư, tịnh độ, tịnh thổ, tịnh sát. “Sát” là “cõi”, không phải “giết”. Còn Tịnh độ bên Bắc Tông là “Sukhāvatī”, tương đương “sugati”, là “cõi cực lạc, chỗ vui”.

Suddhāvāsa là cõi dành cho tầng thánh thứ ba, Tam quả, đã chứng Ngũ thiền. Tam quả là chưa đủ duyên chứng La-hán nhưng đã có Tam quả và đã chứng Ngũ thiền thì bèn sanh về đây. Cái tín, tấn, niệm, định, tuệ mạnh yếu quyết định cho vị đó sanh về cõi nào.

Thí dụ trí tuệ nhiều, sanh thẳng lên cõi cao nhất, cõi Akanittha. Tất cả là có Vô Phiền, Vô Nhiệt, Thiện Hiện, Thiện Kiến, Sắc Cứu Cánh. Sắc Cứu Cánh từ tiếng Pali là “Bhavagga”, là cõi cao nhất.

Bên Mỹ có ông Phật tử không biết tiếng Pali mà dịch kinh tiếng Anh, rồi ông thấy chữ “bhavagga” này ông dịch là “cõi cực hữu”, giống như tụi cực hữu, cực tả trong chính trị vậy. Cái này thì không phải, mà “hữu” đây là cõi tái sanh.

Trong tín, tấn, niệm, định, tuệ, vị nào trí tuệ nhiều thì sanh thẳng vào cõi cao nhất. Còn không, tín mạnh sanh về Vô Phiền, tấn mạnh sanh về Vô Nhiệt, niệm thì Thiện Hiện, mà định thì Thiện Kiến, còn tuệ sanh về cõi Sắc Cứu Cánh. Còn vị nào cả năm quyền đều yếu thì đương nhiên tín sẽ mạnh nhất, đương sự sẽ về cõi Tịnh cư thấp nhất.

Muốn đắc tầng A-na-hàm thì vị này phải lìa bỏ được năm kiết sử: thân kiến, hoài nghi, giới cấm thủ, dục ái và sân. Cho nên vị này hoàn toàn không còn tí ti đam mê nào trong năm dục.

Từ chỗ không còn tí ti đam mê nào trong năm dục, vị đó cũng hoàn toàn tuyệt đối, triệt để và rốt ráo không còn tí ti một tâm trạng bất mãn nào hết. Bất mãn là sợ hãi, ghen tuông, ganh tị, tức giận, khó chịu, ray rứt... Những gì thuộc về sân, giận hay trực tiếp, đều không còn nữa.

Đặc biệt, nếu không phải là vị thánh với nhau mà chỉ là người phạm phu lấy mắt mà nhìn thì không có sự phân biệt nào giữa vị A-na-hàm và A-la-hán hết. Là vì sao? Là vì cả hai vị đều không có một tí ti hờn giận, sợ hãi... nào hết, bởi vì cả hai vị đều không còn tâm sân.

Điều thứ hai là cả hai vị tuyệt đối đều không còn máy may thích thú trong năm trần. Nghĩa là dầu có gái đẹp, phong cảnh, tiền bạc, danh lợi, có vàng bạc, báu châu thì vị này lớt lớt, không cảm giác gì hết, vô cảm với năm dục.

Điểm khác giữa hai vị là A-la-hán tuyệt đối dứt sạch phiền não. Còn vị A-na-hàm thì còn chút thích trong thiền. Mà thích trong thiền thì người phàm phu không thể nào phân biệt được. Chỉ có thánh với nhau mới thấy sự khác biệt này.

Còn về năm dục thì cả hai vị này giống y chang nhau là không còn nữa. Không còn dục có nghĩa là không còn thích cái này, thích cái kia, không còn bất mãn, sợ hãi. Cho nên cả hai vị này đều có bị xô từ trên lầu xuống thì nét

mặt cũng không gợn một tí thay đổi.

Nói tới đây tôi nhớ một chuyện rừng rợn. Tụi cực đoan Trung Đông nó ghét người đồng tính nên có nhiều cách xử tội. Nó bắt được kẻ thù, nó có nhiều cách xử rất rừng rợn, trong đó có kiểu nó đem lên lầu cao, nó đập xuống.

Nhắc chuyện này là bởi tôi muốn nói rằng cuộc sanh tử nó đáng sợ lắm, kính thưa quý vị. Chúng ta hôm nay có mê đời, muốn hưởng thụ cỡ nào, muốn sanh tử cỡ nào, làm ơn nhớ một chuyện thôi: là còn sanh tử thì ta còn có nhiều cơ hội chết thảm. Mà mỗi lần mình biết mình sắp chết thảm thì mình sợ cỡ nào. Cỡ A-na-hàm, A-la-hán trở lên thì mới hết sợ hãi thôi. Vị Tu-đà-hườn cũng còn sợ nhưng không đáng kể, vì vị ấy không còn thân kiến.

Nhưng phàm phu mình, trong vòng luân hồi, hể bà con còn cơ hội sanh tử thì bà con hoàn toàn có một tỉ cơ hội chết thảm. Tại sao tôi nói một tỉ? Là bởi vì bà con luân hồi quá nhiều kiếp. Cái chuyện bà con sát sanh, hành hạ chúng sanh nó quá sức nhiều. Cái chuyện quý vị tu hành, từ tâm, giúp đỡ này kia, tôi nói rõ, rất là hiếm.

Bây giờ quý vị nhìn lại cuộc đời quý vị đi. Từ ngày biết đạo, quý vị đã giúp được bao nhiêu người? Trong khi đó, khả năng hại người, sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói láo, những chuyện đó trong vô số kiếp quý vị đã làm biết bao nhiêu. Đặc biệt mình đang nói về giới sát sanh. Cái chuyện mà quý vị thích ăn ngon phải sát sanh, chuyện quý vị căm thù hờn giận mà quý vị phải sát sanh, vì giải trí mà phải sát sanh, bla bla ba... vì nhiều lý do lắm!

Cho nên nói rõ luôn: chỉ có vị đại từ, đại bi, đại lực, đại hùng, đại dũng mới có cái gan làm Bồ-tát thành Phật, nghe! Chớ còn nếu không thì Niết-bàn sớm chừng nào tốt chừng nấy. Tôi cho các vị biết, cái nợ của các vị lớn dữ lắm, cái nợ máu đó lớn dữ lắm, kể cả tôi.

Bây giờ tôi làm ông sư, kiếp này tôi thấy tạm thời tôi OK, không bệnh hoạn nhiều, không bị ai đâm chém, thù hận, tạt axit, dao lam ớt bột chưa thấy. Nhưng tôi biết chắc, miễn là còn luân hồi là coi như cơ hội mà tôi bị xe cán, bị té lầu, cây đè, bị núi lửa, bị đất sụp, bị động đất, lũ lụt, rắn cắn, rồi bệnh hoạn không có thuốc uống... biết bao nhiêu quý vị, biết là bao nhiêu!

Cho nên khi hiểu rõ cái đó rồi mới thấy: đừng có ngồi dẹt mộng nữa! Nghe! Nghĩ tới luân hồi ớn dữ lắm! Đừng có dễ dãi! Nghĩ là bao nhiêu cái kiểu chết thảm nó chờ phía trước mình.

Cho nên nhắc tới A-na-hàm, nhắc tới lòng sợ hãi, tự nhiên nhắc tới cái tội khổ trầm luân nó ghê lắm! Trong room các vị không tin thì cứ nghiệm ra vậy nè: trong một ngày của mình, có bao nhiêu lần mình sống bằng tâm lành, tâm thiện? Trong một ngày có bao nhiêu phần trăm thời gian mình sống bằng tâm ác, tâm xấu, không tham thì sân thì si, ganh tị, bủn xỉn, toan tính. Nghe!

Bài kinh Thối nát

Buổi sáng đó, Thế Tôn đi khát thực, đi ngang một vùng nông thôn, thấy một vị tỳ-kheo đó đang thất niệm, đang phóng dật, không thu thúc các căn. Trong Kinh chỉ nói gọn vậy thôi, chớ không nói rõ làm sao. Mình hiểu hôm nay là vị này bê bối, bừa bãi. Ngài biết rõ đạo căn vị tỳ-kheo này không phải tầm thường, nên Ngài dừng lại, Ngài la trách:

“Đừng có khiến cho mình trở thành như vậy nữa!”.

Trong Chánh tạng chỉ nói vắn tắt thôi. Sau khi nghe như vậy, vị tỳ-kheo cảm thấy xúc động mạnh. Trong Chú giải có đề thế này: vị đó đắc Tu-đà-hườn liền tại chỗ, “Sotapanno jato”. Còn trong Kinh ghi vị đó “xúc động mạnh”, “Katuviya” có nghĩa là “ucchittham”, cả hai chữ này đều có nghĩa là “đồ vất đi, phế thải, phế liệu”.

Đức Phật Ngài dạy mình đừng có sống như thế nào mà trở thành đồ vất đi, đồ phế thải, đồ phế liệu, katuviya. Cái chữ này sâu lắm quý vị.

“Đồ vất đi” là sao? Tôi đã nói không biết bao nhiêu lần. Có những người, sự có mặt của họ trong đời này chỉ là sự góp mặt chứ không phải là đóng góp. Từ đó, cuộc đời họ, cái chết của họ chỉ là sự vắng mặt chứ không phải là sự mất mát cho đời. Đó là một.

Thứ hai, có người sống lâu thành đồ cổ, có người sống lâu thành đồ cũ. Sống lâu thành đồ cũ có nghĩa là trở thành đồ vất đi, không xài được. Nhưng đồ cổ lại khác. Họ càng sống lâu, cái thiện pháp của họ càng sâu dày hơn. Trí tuệ, đức hạnh của họ càng nhiều hơn. Đức độ của họ thành tấm gương sáng cho đời hơn.

Ở đây Đức Phật Ngài dạy đừng có sống trở thành đồ vất đi, đừng có trở thành đồ phế liệu là như vậy đó. Sống làm sao mình càng già càng trở thành điểm tựa tinh thần cho người khác, kể cả mình có ngồi xe lăn, ấm a ấm ớ nói không xong. Nhưng người ta nhìn mình, người ta nghe giọng ngọng nghịu của mình, người ta cũng có cái bỏ túi đem về. Nghe, nhớ cái này quan trọng!

Tôi ví dụ như ngài U Pandita, ngài Ajahn Chah, bà Achann Neb, ngài Ledi, ngài Pa-Auk, v.v... và v.v... Những vị này, quý vị thấy ngài U Pandita chín mươi mấy tuổi mới tịch, mà trước khi Ngài tịch không có lâu, Ngài vẫn tiếp tục dạy thiền cho thiền sinh khắp thế giới, trong và ngoài Miến Điện đổ về tìm tới để học thiền. Lúc bấy giờ, cái chín mươi mấy tuổi của Ngài trở thành bảo chứng cho một đời phạm hạnh. Tuổi già của hạng người này trở thành thứ bảo chứng cho những cái giá trị bình sinh của họ.

Trong khi đó, kẻ tầm thường thì tuổi tác chính là nắm mồ của họ, nghĩa là nó kết thúc, kết thúc và kết thúc.

Tôi ví dụ một chuyện trong room. Các vị cứ học đạo, cứ dành thời giờ sống chánh niệm cho tôi. Nếu mà các vị bảy chục, tám chục, mà lúc đó tôi có duyên gặp được quý vị. Tôi chỉ mong có một ngày mà ai đó trong room này mời tôi về nhà, lộng cọng, lụm cụng nói với tôi thế này:

“Không có nấu được như hồi xưa, chỉ ghim nồi cơm điện và luộc cho Sư đĩa rau thôi”, rồi múc ra miếng chao để đó.

Nhưng mà mỗi câu của các vị phát biểu ra trong suốt thời gian hai tiếng, ba tiếng tôi ở đó, mỗi câu nói cho tôi biết rằng quý vị theo dõi cái lớp này nhiều năm nay. Đối với tôi, tôi phải nói đó là niềm hạnh phúc vô cùng lớn, vô cùng lớn, các vị có hiểu không!

Các vị cứ lụm cụng, lụm cụng ghim nồi cơm điện, rửa rau, dọn cho tôi ăn, rồi nói với tôi toàn bộ những lời cho tôi biết chiều dày giáo lý. Thì tôi phải nói, dầu tôi có phải ra đi, mai này tôi có giới thiệu người học đạo, tôi sẽ trân trọng giới thiệu đến các vị. Vì sao? Vì tôi nghĩ rằng ai mà sẽ gặp các vị, họ sẽ được ích lợi.

Còn đảng này, các vị bỏ ra cả đời không có cái gì để trong đầu hết. Phật pháp thì ấm a ấm ớ như cái “bà nội” hồi nãy không hiểu cái Thất thánh sản đó.

Mà mắc cái chứng gì mà thời này có internet mà tại sao không chịu gõ dùm, vô Google đánh mà tìm hiểu coi họ nói cái gì!

Cho nên ở đây, sau khi Ngài nhắc nhở vị tỳ kheo đó sống làm sao mà đừng để mình thành phế liệu. Đó là câu một.

Câu thứ hai: “Con sống làm sao để mình không là phế liệu, không bị ruồi bu”. Vị này nghe hai câu này lập tức đắc Tu đà hườn.

Tây Ban Nha có câu này hay lắm: “Ruồi không bu lên nồi nước sôi”. Mỹ có câu này: “Rêu không đóng bám lên hòn đá lăn hoai”. Có nghĩa là có hoạt động thì không có vấn đề.

Ngài Ledi của Myanmar có câu: “Phàm tâm như cục sắt luôn chứa sẵn mầm rỉ sét. Phải thường xuyên chà xát, dồi mài mới sáng bóng. Đồng thời cục sắt cũng giống như cây nến, chỉ hiện hữu một cách đàng hoàng bằng cái chết từng phút của mình”.

Là sao? Cây nến được tạo ra đâu phải để chứng cho vui, mà để đốt. Sự hiện hữu của cây nến chỉ nổi bật khi nó được đem đi đốt. Nó phải cháy mới gọi là cây nến. Sự hiện hữu thực sự có giá trị của cây nến, sự hiện hữu huy hoàng, có ích của cây nến phải được thực hiện qua từng giây phút cháy mòn mỏi và mòn mỏi. Các vị nghe kịp không?

Có nghĩa là “cây nến chỉ sống bằng chính cái chết của nó!”. Mỗi phút nó phải mòn đi một ít, một ít. Đó là một.

Rồi, tại sao “cục sắt nó giống cây nến”? Có nghĩa là anh để cục sắt nằm yên thì nó sẽ bị sét. Anh phải mài nó. Mà càng mài thì nó càng mòn. Có nghĩa là cục sắt nó giống cây nến ở chỗ nó chỉ sống bằng cách chết đi trong từng phút mà thôi! “Yêu là chết trong lòng một ít” là vậy đó.

Có nghĩa là cây nến nó chỉ sống thực sự bằng cách là chết trong từng phút. Cục sắt cũng vậy. Phàm tâm là một cục sắt, nó chứa mầm rỉ sét trong đó. Cho nên bây giờ các vị làm lơ nó một đêm là sáng ngày nó “sét” rồi. Một đêm thôi quý vị. Tôi đang nói một đêm nghe! Mà đặc biệt vị nào ở gần biển còn hiểu cái này dữ dội nữa. Sắt mà ở xứ biển chỉ trong vòng 3 giây là nó sét ngay.

Cho nên phàm tâm y như cục sắt luôn chứa mầm rỉ sét bên trong. Ta phải thường xuyên dồi mài nó thì nó mới sáng bóng. Còn không thì nó sẽ bị sét.

Nhưng có một sự thực phũ phàng bề bồng ở đây. Đó là muốn cho cục sắt đừng có sét thì ta phải mài, mà càng mài thì càng mòn, mà càng mòn thì càng sáng.

Cho nên mình sống làm sao? Có hai cách. Cục sắt trước sau cũng trở về với đất thôi. Để tự nhiên nó cũng mục. Mà mình mài nó cũng có ngày nó tiêu. Nhưng tự mình hỏi lòng mình đi, mình muốn cục sắt này kết thúc bằng cách “nó mòn dần trong lúc nó được sử dụng một cách hữu ích” hay là để tự nhiên cho nó sét? Các vị nhớ nghe!

Bây giờ mình dùng cái thân này, cái trí tuệ này, chánh niệm thiền định này, sức khỏe, khả năng tài chánh này để mình sống trong thiện pháp, đó là mình đang mài mòn nó. Nhưng thà nó mòn kiểu đó, còn hơn là ăn rồi cứ ù lì, bự như con heo vậy đó rồi chờ chết?

Cho nên ở đây có cái rất quan trọng: là mình sống như thế nào để cho thà mình có bị chết cũng chết một cách oanh oanh liệt liệt? Cho nên bài kinh này là bài kinh đặc biệt mình phải chú ý. Ta phải sống như thế nào để cho mình hữu ích hơn. Sống như thế nào đừng để ruồi bu. Ruồi đây là phiền não, trong Chánh tạng và Chú giải có ghi vậy. Một cái tâm thường xuyên năng động, có niệm, có định, có tuệ thì tự nhiên ruồi không có bu. Cái tâm mà để yên thì “rảnh rồi sinh nông nổi”, nghe!

Tôi hứa với các vị, phạm tâm mình mà để yên là nó ra chuyện. Bây giờ các vị không có ăn nhậu, không có bài bạc, gái gú gì hết, cứ ngồi yên cho tôi, tự nhiên cái tâm nó cũng đi vô tầm bậy hà. Cái này tôi bảo đảm một ngàn phần trăm. Ngồi yên đi, đừng làm gì bậy hết. Cứ ngồi yên là tự nhiên nó bậy hà!

Cho nên tại sao mà hành giả phải thường xuyên chánh niệm là vậy. Bởi vì có chánh niệm anh mới làm được hai việc:

Một, anh có chánh niệm anh mới phát hiện rằng anh đang bậy.

Thứ hai là mỗi lần anh có chánh niệm, anh phát hiện như vậy là một lần anh đang tu.

Khi không là hành giả, ta chỉ tu khi có dịp. Khi là hành giả, lúc nào ta cũng tu. Tâm thiện xuất hiện là tu. Biết cái tâm xấu vừa xuất hiện cũng là tu. Có nghĩa là đi cầu cũng là tu nếu ta đi bằng chánh niệm. Nấu ăn, quét dọn, rửa răng, tưới cây, tắm rửa đều tu hết nếu anh làm bằng chánh niệm.

Còn khi không là hành giả, ta chỉ tu khi có dịp, có nghĩa là khi dâng y, vô chùa đội cái thau có miếng sữa, miếng đường gì đó, đi vòng vòng la hét “sadhu, sadhu” là tu. Vô mấy khóa thiền ba xạo hai ba ngày là tu. Lâu lâu lên chùa làm cái gì đó bữa hai bữa, nhổ cỏ, rọc lá dừa, xách nước, lau chánh điện gì đó là tu. Lâu lâu tu một lần.

Còn anh là hành giả thì ảnh tu “suốt mùa thu cách mạng”. Có nghĩa là cứ mở mắt ra làm cái gì cũng chánh niệm, làm cái gì biết cái đó. Làm cái gì biết rõ mình đang làm cái đó, là tu.

Cho nên tại sao Ngài dạy mình phải sống chánh niệm. Ai không học Đạo thì họ không ngờ được cái phước báo của người tu chánh niệm nó chạm tới chín tầng trời, quý vị biết không, bởi vì nó tu suốt mùa mà! Coi như là nó biết đây là tâm thiện. Đó là công đức đã đành, mà nó biết đây là tâm sân, đây là ganh tị, là bòn xén, là sợ hãi, là hờn giận, là nhỏ mọn... tâm gì đó nó biết hết. Thì cái đó được gọi là tu, nhớ nghe!

Tiếp theo học kinh khác.

Bài kinh Anuruddha

Kinh này là nổi nhục của phụ nữ. Ngài Anuruddha là một người em họ của Đức Bồ tát Tất Đạt Đa.

Ngày xưa, ngài Anuruddha, Đề Bà Đạt Đa, ngài A Nan... tổng cộng là sáu, bảy vị hoàng thân hồi nhỏ chơi thân với nhau, trong tiếng Pali gọi là Sahapamsukilika, có nghĩa là “bạn nối khố, bạn cùng chơi sinh đất với nhau”. “Saha” là cùng với, còn “pamsu” là bùn sinh, “kilika” là chơi.

Ngài Anuruddha chơi chung với Bồ tát Tất Đạt. Rồi sau này Bồ tát Tất Đạt đi tu rồi thành Phật trở về thì ngài Anuruddha này là một trong những người đầu tiên đi xuất gia và đắc Tu đà hườn, đắc Ngũ thông, có khả năng thiên nhãn đứng đầu trong hàng Thanh văn.

Có nghĩa là Ngài có thể quan sát một ngàn vũ trụ là chuyện nhỏ. Một ngàn đây là Ngài nhìn thấy được một ngàn mặt trăng, một ngàn mặt trời. Mỗi vũ trụ chỉ có một mặt trăng, một mặt trời mà Ngài thấy tới một ngàn vũ trụ. Cứ một ngàn mặt trời, mặt trăng như vậy là một tiểu thiên. Hai ngàn tiểu thiên là một trung thiên. Mà ba ngàn trung thiên là một đại thiên thế giới. Là Ngài thấy rất là xa. Ngài thấy vô số cõi.

Ngài nhìn quanh thấy số mà chết bị đọa thì nữ nhiều hơn nam.

Mặc dù trên cõi trời mấy bà thì đông, mà phần lớn nữ về trời cũng chỉ là mấy nàng tiên tùy tùng, tiên hầu mấy ông nam. Mấy ông nam mà chịu tu thì về trên toàn làm sếp. Một ông có cả ngàn bà, năm bảy trăm bà là bình thường. Còn mấy cô thấy tu rần rần, rần rần mà toàn là đi múa đuôi, núp bóng người ta không hà. Vì sao vậy?

Là bởi vì — chỗ này phải mở ngoặc — đa phần củ sắn củ khoai Toại Khanh này ăn toàn là của mấy bà, mấy cô không à. Mấy ông đực có râu hiểm có ông nào cho củ sắn củ khoai nhe! Cho nên trước hết cho kẻ này nói thiệt:

“Ân tình sâu tợ bể ấy xin khắc cốt ghi tâm. Chén cơm Phiếu mẫu nợ người. Kiếp sau khất thực một đời nuôi nhau”.

Tuy nhiên, cho tôi “cẩn rằng” nói một sự thật này: nói về cái khoản tật xấu thì mấy bà vô địch vô lâm, sếp sòng Tam giới. Ganh tị, bòn xén, nhỏ mọn... Coi như ngày xưa Hòa thượng Bốn sư của tôi, ngài Tịnh Sự, ngài tịch năm 84 tuổi, tôi mới vừa tròn 15 tuổi. Ngài có nói thế này: cho ngài năm 100 thăng lính mà ngài không ớn bằng ngài năm 5 bà sư cô! Bởi vì 100 ông lính mình cứ xách cái lính quân đội ra mình xử, còn 5 bà lên tới ngũ quỷ rồi, lục sát, nhe, nó phá cho tàn sát. Một khi mấy bà, mấy cô dờ chừng lên rồi có trời cứu. Tôi nói thiệt, đó là thầy Bốn sư tôi nói.

Tới phiên tôi nói: tôi có thể ở chung với 10 người đàn ông mà không thích tôi. A, B, C, F, Tèo, Tý, anh thằng Tèo, chú thằng Tý gì đó, 10 người đàn ông mà không có ưa tôi đó. Vì hoàn cảnh mà kẹt kẹt, tôi vẫn chen vô ở chung được. Nhưng nữ mà đã ghét mình rồi chỉ có nước bốc phen mà ăn thôi! Tôi xin nói trước vong linh má tôi. Mà chỉ cần cái bà bếp bà không ưa mình thì đời mình coi như... xong! Xong, game over, nghe!

Cho nên ngài Anuruddha mới hỏi: “Sao phần lớn con thấy phụ nữ chết phải sanh vào cõi đọa là sao?”. Đức Phật ngài nói vì có 3 lý do. Ở đây Ngài nói buổi sáng, buổi chiều là cách nói ví von. Ngài nói người nữ bị ám ảnh bởi ba thứ phiền não nổi bật: xan lãn, là bủn xỉn, ganh tị và tham dục.

Tham dục ở đây gồm cả tình cảm và tình dục. Xin phép các vị, năm nay tôi già rồi, cho tôi nói thiệt. Tôi nói tôi già để quý vị đừng ngạc nhiên tại sao ông sư đi biết cái chuyện này. Bởi vì tôi già, nhưng bằng cái biết của sách vở, của chữ nghĩa, cộng với một ông gần xuống lỗ, tôi phải nói thiệt: ngay trong cấu tạo sinh lý của người nữ nó đã khác người nam, trách gì hai thứ này ở họ nó mạnh.

Họ chậm nhưng mà chắc. Đàn ông, cái phiền não dục tình nó giống như lửa rơm, lửa trên mái tranh, ào ạt, cái rào rào nó tắt. Còn mấy bà, cái thứ cấu trúc sinh học cái gì nó cũng đến chậm, nhưng nó bền quân, âm ỉ, âm ỉ. Mà tình cảm thì, may là thầy chùa đó mà tôi biết một chuyện, đàn ông nó mền thì chỉ có nghĩa là mền. Hết. Còn đằng này đàn bà mà mền là tìm cách xây dựng, rồi củng cố, rồi bảo trì. Một thứ tình cảm đối với họ: kiếm tìm, rồi xây dựng, rồi củng cố. Mỗi một công đoạn như vậy nó tiêu tốn biết bao nhiêu thời gian và công sức.

Nhưng đàn ông thì không! Nó thích thì sáp vô, nó chán thì bung trở ra. Theo đàn ông mà tôi được biết là như vậy. Còn phụ nữ nó nặng lắm. Từ cái chỗ họ lê thê lết thết như vậy. Đó là tình cảm. Còn về tình dục thì do cấu trúc sinh học của họ, họ cũng có khả năng kéo dài cảm giác khoái lạc nhục cảm lâu hơn đàn ông. Cho nên phái nữ họ tiếp nhận, kể cả bị cưỡng bức nhe, họ tiếp nhận rất nhiều. Thay vì đàn ông thì không

có cửa nào như vậy. Đó, mình phải nhìn nhận người phụ nữ cả về tình dục lẫn tình cảm đều rồi hơn đàn ông. Từ đó mới có hai cái kia.

Người phụ nữ họ thương rồi, cái gì họ cũng cho người thương. Mà họ ghét rồi, cái cây tăm, một sợi tóc họ cũng không nhả ra cho người họ ghét. Đó là ganh tị, bòn xén.

“Bùn xin là không muốn mình mất gì. Cái ganh tị là không muốn người ta được gì”.

Ở đây Ngài nói “buổi sáng, buổi trưa, buổi tối”, nhưng ở đây mình gom chung lại, có nghĩa là cả ngày ba buổi. Mà ba buổi đây có nghĩa là suốt ngày. Mà suốt ngày cũng là suốt kiếp. Giống như người ta nói: “Kẻ nào tức giận một phút là mất đi 60 giây hạnh phúc”. Lý do đơn giản là một phút có 60 giây.

Cho nên đàn bà nguyên một ngày luôn luôn bị ám ảnh bởi ba thứ phiền não. Một là không bùn xin thì ganh tị, không ganh tị thì bị ám ảnh bởi tình dục hoặc tình cảm.

Trước khi đúc kết lại, một nội dung nhỏ mà tôi cho là quan trọng và cần thiết. Đó là: tuy nói nữ, nhưng tất cả nam giới nên tự xét mình cũng như vậy thì nên tự xử, để không phải mang hồn bướm mà xác sâu, hồn nam xác nữ, không biết bông hay trái, trai hay bóng. Có nhiều người thân nam tánh nữ, có nhiều người thân nữ tánh nam. Ở đây mình tự mình xét.

Trong Tam giới, cõi thấp nhất là cõi dục. Trong hai phái tính, phái bị xem là kém nhất đó chính là phái nữ. Vì sao? Vì phái nữ rất gần với chữ “dục”. Mà hễ mình sống với giới nào thì mình về với giới đó. Bài Kinh này sâu chỗ đó.

“Ta thường sống trong tâm tình của hạng nào thì mai sau sẽ về với hạng đó”.

Bài Kinh 128

Cũng ngài Anuruddha, một ngày kia Ngài đến gặp ngài Xá Lợi Phất. Ngài nói:

“Lạ quá, sư đệ có thiên nhãn nhìn thấy cả ngàn vũ trụ. Những thiện pháp, những pháp tánh của hành giả như chánh niệm, thiền định của đệ đâu có kém gì một người đắc Tứ

thiền Ngũ thông, thì làm sao còn 5 triền cái, làm sao có phiền não được. Tuy có chừng ấy khả năng nhưng đệ biết đệ đâu có chấm dứt các lậu hoặc. Tạm thời những khi đệ sống bằng thiền định thì chúng vắng mặt. Nhưng đệ biết chúng vẫn trốn nấp ở đâu đó mà thôi”.

Cho nên Ngài mới nói gọn rằng: “Đệ có khả năng thiên nhãn nhìn thấu một ngàn vũ trụ nhưng đến hiện giờ vẫn chưa là vị La-hán”. Ý bài Kinh này gọn là như vậy.

Ngài Xá Lợi Phất, bậc đại trí, trí tuệ hàng đầu của Thánh văn, Ngài biết rằng vị sư đệ này cần được mình giúp đỡ và mình hoàn toàn có thể giúp đỡ vị sư đệ này. Vị Anuruddha này giờ đang là Tu-đà-hườn rồi, và ngài Xá Lợi Phất lúc đó là vị La-hán. Cho nên ngài Xá Lợi Phất lựa cách nói rất nhẹ nhàng mà sâu, chỉ có người trong cuộc mới hiểu.

Nhắc lại câu nói của ngài Anuruddha, rằng: “Đệ có thể nhìn thấy một ngàn vũ trụ dễ dàng nhưng giờ đệ vẫn chưa là vị La-hán. Phiền não của đệ vẫn còn đó”.

Ngài nói: “Khi mà đệ nhìn thấy khả năng của mình thì lúc đó là đệ đang sống trong kiêu mạn. Nhưng khi đệ nói về chuyện mình chưa hoàn tất, đó chính là đệ đang sống trong cái ray rứt, trạo hối. Đây là ba chuyện sư đệ phải chú ý.”

Một là sư đệ nói về khả năng của mình, đó chính là kiêu mạn. Mà khi thấy mình hay thì đó chính là phóng dật. Nói cách khác, khi không tập trung cái khả năng của mình thì đó là do sức tác động của phóng dật. Mà khi hành giả nghĩ rằng mình ngon lành như vậy mà chưa đắc được gì hết thì đó chính là hành giả đang sống trong sự ray rứt.

Ở đây ta nên suy gẫm lại câu nói này: “Đừng khoe tôi nghèo mà vẫn học giỏi. Hãy tự hỏi vì sao tôi giỏi mà vẫn nghèo”.

Các vị có hiểu không ta? Tức là cũng tình hình đó, cũng cái tình trạng đó, nhưng ta thay đổi cách nghĩ thì tình hình nó khác hơn. Cách nghĩ thứ hai “vì sao tôi giỏi mà vẫn

nghèo”, nó hơi u ám, nó tiêu cực, bi quan, nhưng cách nghĩ đó làm cho mình khá. Còn cách nghĩ thứ nhất làm cho mình tệ.

Thì kiểu nghĩ của ngài Anuruddha là dính vô cách thứ hai. Có hai cách nghĩ:

Một là: Tôi có cái này cái kia nhưng tôi vẫn không được cái nọ.

Hai là: Tôi được cái này cái nọ đầu là tôi đang bị cái này cái kia.

Mới nghe qua mình tưởng cách nghĩ của ngài Anuruddha dường như thuộc cách thứ hai. Nhưng ngài Xá Lợi Phất thì lại muốn nhắc ngài Anuruddha cái câu mà tôi vừa ghi. Đó là: “Đừng khoe rằng tôi nghèo mà tôi vẫn giỏi. Mà hãy tự hỏi vì sao tôi giỏi mà tôi vẫn nghèo”.

Nghĩa là ngài Xá Lợi Phất lại muốn ngài Anuruddha nhớ lại nguyên cả hai câu luôn. Ngài Anuruddha là bậc đại trí, cho nên sau khi nghe ngài Xá Lợi Phất nhắc vậy, ngài bèn lui về, tập trung chuyên chú, sống trong Tứ niệm xứ. Không bao lâu ngài trở thành vị A-la-hán.

Bài kinh này không hề có ý kể chuyện xưa giữa hai ông Thánh. Mà đây là bài học giáo lý sâu thẳm, dò không tới đáy cho tất cả phàm phu chúng ta. Chúng ta được ba mớ là thấy mình hay.

Phàm phu có cái dễ duôi thế này: đã là hay thì một tí cũng thấy là nhiều. Mà dở bao nhiêu cũng thấy là ít. Trong khi Thánh nhân thì ngược lại. Cái gì bậy thì một tí người ta cũng thấy là nhiều. Còn cái hay đầu nó một núi người ta cũng thấy ít. Đây là điểm khác biệt của phàm phu và cũng là cái điểm sâu sắc, sâu thẳm của bài kinh này.

Bài kinh này có hai vấn đề các vị phải nhớ:

Một, đừng khoe vì đâu tôi nghèo mà tôi vẫn giỏi. Mà hãy tự hỏi vì đâu tôi giỏi mà tôi vẫn nghèo.

Hai, là ta đừng bao giờ để mắc vào cái lỗi này. Mà phải thấy rằng: hay bao nhiêu thì cũng phải thấy là ít. Mà dở bao nhiêu cũng phải thấy là nhiều, thì mới khá!

Mình đã học xong bài kinh 128.

Bài kinh Che giấu

Chuyện đời rất nhiều, nhưng trong bối cảnh trước mặt một hội chúng như thế nào đó, đôi khi Đức Phật kể một phần chuyện đời cho nghe thôi.

Trong kinh nói rằng Đức Phật có hai trường hợp thuyết giảng:

Trường hợp một, Ngài đã nói thì bao trùm vạn pháp. Trường hợp đó gọi là hàm tận.

Trường hợp thứ hai là chiết bá, nghĩa là tùy duyên mà Ngài nói ra một khía cạnh nào đó. Thí dụ có lúc Ngài nói: “Này các tỳ-kheo, ở đời này có bốn hạng người mất ngủ, khó ngủ: một là nam nữ nhớ nhau mất ngủ; hai là ăn trộm, ăn cướp khó ngủ; ba là vua chúa nghĩ đến quốc sự, quốc gia khó ngủ; bốn là người kinh sợ sanh tử, chuyên tâm hành Đạo cũng thấy khó ngủ”. Mình biết là trên đời này còn nhiều nữa, nhưng trước mặt một hội chúng nào đó, một cá nhân nào đó, một đối tượng nào đó, Ngài thấy nói như vậy là OK rồi, cho nên Ngài kể bốn loại đó thôi.

Ở bài kinh này cũng vậy. Trên đời có nhiều cái bị che khuất, nhưng đây Ngài nói có ba. Ngài nói trên đời này có ba chuyện luôn luôn kín khuất: một là sở hành nữ nhân, thứ hai là bùa chú, thứ ba là tà kiến.

Thứ nhất là sở hành của nữ nhân.

Hồi nhỏ tôi đọc cái này tôi không hiểu. Tại sao là sở hành của nữ nhân? Một là trong cái ăn mặc họ cũng kín đáo hơn đàn ông. Và trong sinh hoạt thường nhật họ thích thế giới riêng tư, dẫu họ nghèo, chỉ có tấm rideau che lại thôi. Họ sống sau tấm rideau thì cái cỗi khuất, cỗi riêng của họ nhiều hơn đàn ông. Đàn ông cứ cái xà lỏn, cái ba lỗ là đi khắp dân gian, không ngán ai hết. Còn đàn bà từ cái gì cũng che đậy, che đậy. Ánh

mắt họ cũng thích nhìn trộm, sợ người khác biết được cái thốn thức của họ, biết họ nghĩ cái gì. Sợ người khác biết họ đang nhìn cái gì, lưu tâm tới cái gì, ghét cái gì, thích cái gì, nhớ cái gì, giận cái gì, bla bla bla... Đàn bà từ tinh thần đến thể xác luôn luôn ở trong tình trạng che được thì che. Đó là lý do thứ nhất: che được thì che.

Thứ hai là bùa chú.

Bùa chú là cái gì đó bắt buộc phải kín khuất mới linh. Bằng chứng là ngài Huyền Trang. Ngài đâu phải là ông thầy bùa. Ngài là một học giả, một dịch giả, một Pháp sư. Vậy mà trong chủ trương phiên dịch của Ngài, Ngài có đưa ra 5 điều gọi là ngũ bất phiên. Tức là 5 điều vị dịch kinh không nên dịch, cứ để nguyên. Chẳng hạn có những thuật ngữ tiếng Phạn mà không cách chi tìm thấy từ tương đương ở tiếng nước khác, thì thôi Ngài để nguyên. Thí dụ như chữ Niết-bàn, bên Tàu gọi là Nê-hoàn hay Niết-bàn. “Trí tuệ” họ gọi là “Bát-nhã”. Chữ “trí tuệ” trong đạo Phật hoàn toàn không có cách chi mà tìm ra chữ tương đương ở ngôn ngữ khác. Hoặc chữ “sa-môn”, sa-môn là người có cội lòng tịch mặc phiền não, vắng mặt phiền não. Thì chữ sa-môn Ngài khuyên để nguyên, chớ dịch chữ “Tịnh giả”, tịnh thiết gì đó sẽ dễ hiểu lầm. Cho nên những thuật ngữ không tìm ra chữ tương đương ở chữ ngoại quốc thì thôi để nguyên.

Trường hợp thứ hai là tên đặc biệt, tên người. Trường hợp nữa là để nguyên để giữ sự tôn nghiêm, chớ dịch ra sẽ không hay. Thí dụ chữ Phật-đà mà dịch ra “Giác giả” thì cũng được. Nhưng để âm Phật-đà, hay Phù Đồ, hay Bụt. Ngài nói để nguyên như vậy để ai thắc mắc thì tìm hiểu kinh điển, thì lúc bấy giờ họ sẽ hiểu nhiều hơn. Còn nếu mình dịch trắng ra thì vô tình mình làm hẹp cái nghĩa gốc.

Đặc biệt trong ngũ bất phiên, 5 cái không cần dịch, trong đó có bùa chú. Ngài nói đã là thần chú thì dứt khoát không có dịch. Thí dụ như chú Lăng Nghiêm. Chú Lăng Nghiêm, Surangamasutra, ai đọc được tiếng Sanskrit, các vị mở Google các vị có thể tìm thấy bản tiếng Phạn, bản dịch tiếng Anh cũng có. Bây giờ mình biết nội dung là

do mấy dịch giả, chứ mấy ông trì chú đâu dám dịch, bởi chú thuật mà dịch đâu còn linh nữa. Ngay cả ở bài kinh kệ dẫn nhập, thí dụ đọc:

“Thuần nhĩ đa tánh khả tiêu vong. Thước ca ra tâm vô động chuyển”. Cái này người ta cũng không dịch, vì để cho nó “ghê”. Thì “thuần nhĩ đa” là “sunnata”, là tánh không, hư...

Không. Còn “thước-ca-ra” đây là chữ “vajira”, là kim cương.

“Thuần-nhĩ-đa tánh khả tiêu vong” có nghĩa là hư không đâu có thay đổi thì lòng này cũng không thay đổi. Hư không là không bao giờ thay đổi, nhưng bài kệ này nhấn mạnh là “đầu có thay đổi” thì lòng này cũng không thay đổi. Đó là cách nói rất ráo của Phật giáo hậu thời, nói cho ghê gớm như vậy!

“Thước-ca-ra tâm vô động chuyển” là kim cương kia đâu có gì, có đá nát vàng phai thì lòng tu này cũng không hề thay đổi. Tức là đem lòng tu so với kim cương và hư không.

Nhưng họ đã không dịch ra luôn mà để lấp lửng, “lơ lửng con cá vàng” vậy cho nó “sang”, cho thêm phần huyền bí!

Thứ ba là tà kiến.

Tại sao tà kiến gọi là cái kín khuất? Trong Kinh nói rất rõ. “Kiến” là trí, là ánh sáng.

Tôi đã từng nói rất nhiều lần chữ “transparency”. Trong bất cứ một đoàn thể, tập thể hay một quốc gia, một tổ chức hay đời sống của một cá nhân, một căn nhà, một căn chòi, túp lều, nhà kho, từ cái lớn nhất cho tới nhỏ nhất, luôn luôn cần tới cái transparency. Bởi vì ở đâu kín khuất là ở đó có bụi bặm, có kiến, gián, rắn rít, chuột bọ.

Trong một đất nước có quá nhiều vùng khuất, nhiều hidden zone, nhiều vùng cấm thì đất nước đó không khá được. Thí dụ như người Mỹ, bao nhiêu vấn đề của Nhà Trắng,

của Ngũ Giác Đài, nhúc nhích một phát là cả làng đều biết. Lưỡng viện Quốc hội, rồi báo chí, truyền thông, tất cả đều biết. Đời tư một vị tổng thống bị phanh phui.

Một đất nước mà mọi thứ rõ ràng, minh bạch, được bạch hóa hết thì đất nước đó ít có vấn đề. Còn một đất nước mà có vùng cấm, người dân mù tịt về cái kẻ ngồi trên đầu mình. Họ nói họ lãnh đạo, nhưng đời tư họ, thu nhập họ ra sao mình không biết. Họ cất biệt phủ, cất nhà cao cửa rộng như lâu đài, như ông hoàng bà chúa. Hỏi tiền ở đâu, họ nói họ nuôi gà. Có người nuôi heo, có người nuôi dê, mà không biết nuôi ở đâu trong lúc làm chủ tịch, làm bí thư gì đó. Chắc họ nuôi gà chín cựa, bán cho vua Hùng Vương thứ 19 gì đó! Một đất nước như vậy không làm sao khá nổi!

Cái tri kiến cũng vậy. Không soi rọi tới nơi tới chốn thì cái hiểu lầm đó còn có cơ tồn tại. Còn nếu bao nhiêu nhận thức của mình mà nó được bản thân mình soi rọi, cùng được đem ra mổ xẻ, bàn soạn chung với thiên hạ, thì nó không còn là tà kiến nữa.

Đặc điểm của tà kiến là từ chối mọi cơ hội đối thoại và phản biện. Dầu về chính trị, tư tưởng, tôn giáo, triết học, văn hóa nghệ thuật hay khoa học, chúng ta không thể nào đi xa, lên cao và vô sâu được nếu chúng ta cứ một mực lì lợm, ngoan cố từ chối mọi cơ hội đối thoại và phản biện.

Một trong những vấn đề lớn của đạo Chúa là Đức Giáo Hoàng mà đã đeo nhãn giáo hoàng, tức là sau cuộc bầu Ngài chính thức được công nhận là người lãnh đạo tâm linh, thì Ngài Giáo Hoàng có 7 điều được gọi là bất thác. Trong đó có một điều là Giáo Hoàng không bao giờ sai. “Thác” là sai lầm. Mọi sửa sai của Ngài luôn được nói là: “Một lần nữa, Ngài vẫn đúng”.

Trong Tòa Thánh, họ không nói Giáo Hoàng sai. Thí dụ bây giờ Ngài nói cái ghế đóng ba chân thôi. Rồi nó gãy. Lúc Ngài ký sắc lệnh, Ngài nói cái ghế đóng ba chân thôi, thì lúc đó người ta nói Ngài đúng. Nhưng mai này Ngài nói: “Thêm một chân nữa đi con.” Thì lúc đó người ta nói: “Thêm một lần nữa, Ngài vẫn đúng.” Chớ Giáo Hoàng không có sai! Đây là vấn đề lớn, bởi chính bên đó họ muốn nâng Giáo Hoàng

lên tầm thần thánh mà. Giống như ngày xưa thiên tử, vua trời, con trời, không có sai vậy! Tôi không gọi đó là sai, mà tôi gọi đó là vấn đề lớn của Giáo Hoàng.

Ở đây cũng vậy. Tà kiến là những quan điểm nhận thức sai lầm mà nó tiếp tục sai lầm khi đương sự từ chối mọi cơ hội đối thoại và phản biện. Nếu không có cơ hội phản biện, làm sao anh có cơ hội học hỏi và rút tĩa điều hay từ người khác. Nhớ, chuyện này rất quan trọng!

Trong Kinh nói vị tỳ kheo mỗi nửa tháng phải đối trước Tăng, quỳ trước Tăng, để nghe tụng Giới. Sau mỗi phần Giới, vị tụng Giới phải hỏi:

“Các tỳ kheo, điều tôi vừa đọc, chúng Tăng có thấy mình thanh tịnh không? Nếu có thì nên sám hối để giải trừ. Còn không thì tôi đọc tiếp.”

Còn ngày nay chúng ta làm hơi khác một chút. Chưa tụng Giới thì sám hối trước. Tội lớn nhỏ gì cho sám hối trước. Xong mới bắt đầu ngồi nghe tụng Giới. Sau mỗi cái chương, khi vị tụng hỏi có ai vi phạm không, thì đã sạch bách rồi còn đâu! Đó là cái thứ nhất, mỗi nửa tháng vị tỳ kheo phải bạch hóa bản thân.

Chuyện thứ hai là người cư sĩ. Mỗi lần làm phước như trai tăng, cúng dường, cầu an, cầu siêu thì nên thọ Giới và nghe Pháp, để mỗi lần như vậy mình có thêm cơ hội để soi rọi bản thân. Phật giáo mình nếu không có Pháp thoại, không có tụng Giới, không có tuyên xưng sự vi phạm thì không còn Phật giáo nữa. Phật giáo là sự tách bạch. Phật giáo là sự bạch hóa. Nhớ nhe!

Mỗi lần mình xin Giới là mỗi lần mình nhắc tới những lầm lỗi mình có thể phạm. Xin Giới có hai nghĩa:

Mình có dịp thấy ra điều mình đã phạm.

Nhớ ra những cái mình có thể phạm. Nêu rõ những cái bậy mà mình có thể phạm. Đó là tinh thần Phật giáo.

Tôi đang giảng về chuyện kín khuất, che giấu, sao lại nói về tinh thần Phật giáo? Bởi vì tôi muốn nói tinh thần bạch hóa Phật giáo. Dầu là cư sĩ đi nữa thì mỗi lần xin Giới phải nhớ rằng ta đang làm hai việc. Ta đã vạch rõ cái mình vi phạm. Nếu ta không có phạm thì ít ra cũng nhắc lại những điều mà ta có thể vi phạm.

Trong cơ thể mình cũng vậy. Nếu nó có những góc khuất, nó không khỏe. Như đi nha sĩ, người ta soi rọi hết góc ngách hàm răng mình để điều trị. Đi bệnh viện, người ta dùng các phương tiện để soi rọi, xét nghiệm phân, đờm, máu, nước tiểu, kiểm tra. Đó cũng là bạch hóa cái cơ thể mình.

Quan điểm tri kiến, quan điểm nhận thức của mình cũng vậy. Mọi thứ nó cần bạch hóa thì chúng ta mới khá được. Ngày nào trong đầu của mình còn góc khuất, nghĩa là còn tà kiến trùng trùng. Ngày nào trong cơ thể mình còn góc khuất thì mình còn bệnh hoạn trùng trùng.

Bài Kinh này sâu tựa bể là chỗ đó. Bài Kinh gợi nhớ một chuyện:

Thứ nhất, anh sợ thân nữ thì anh phải sống minh bạch, quang minh lỗi lạc.

Thứ hai, anh muốn có chánh kiến thì anh phải quang minh lỗi lạc.

Thứ ba, anh không phải thầy bùa nên anh phải sống quang minh lỗi lạc.

Tôi cố ráng bài này để cho nó dứt một chương. Ngày mai qua chương mới cho “sang”. Bài Kinh này nói về chúng ta.

Nói theo kiểu Lê Uyên Phương là “Vững lầy của chúng ta”.

Có ba hạng người ở đời. Hạng thứ nhất, sân tâm của họ như chữ viết trên đá. Hạng thứ hai, sân tâm của họ như chữ viết trên đất. Hạng thứ ba, sân tâm của họ như chữ viết trên nước.

Hạng người sân tâm như chữ viết trên đá

Hạng người sân tâm của họ như chữ viết trên đá, có nghĩa là với họ, chuyện gì mà xảy ra rồi là họ “sống để bụng chết mang theo”, đừng hòng có sự thương thảo, thỏa hiệp, hòa giải ở loại người này. Tâm sân của họ như chữ viết trên đá.

Chúng ta nhớ, đời sống nói riêng, sanh tử nói chung là cuộc hành trình thăm thăm vụn lý. Hành lý càng nhiều thì càng nặng vai. Chúng ta chỉ mang theo hành lý nào thật sự cần thiết mà thôi. Những gì chúng ta thích, chúng ta phải dò lại coi nó có đáng để mang theo trên đường dài. Và những thứ mình bức mình, mình coi coi cái nào bỏ bớt được thì bỏ.

Có những thứ bức mà mình có thể mang theo cả đời. Thí dụ tôi thích sạch ghét dơ thì đúng, nhưng ghét ở mức độ nào. Chớ nhiều khi mình sạch quá đáng, nó trở thành cái phiền cho người tu. Các vị đem quan điểm vệ sinh quá khích cực đoan của mình vào các thiền viện Miến Điện thì mình chỉ có nước cắn lưỡi chết thôi. Tôi gọi là vệ sinh quá khích cực đoan.

Tôi cũng chủ trương là mình phải sạch, bởi trong các nhân tạo trí tuệ, trong đó có nhân là vật dụng, thân thể và trú xứ luôn sạch sẽ. Nhưng điều đó không có nghĩa là mình lên đến mức quá khích cực đoan. Ghét dơ nhưng ở chừng mực nào, chớ còn quá thì thành gánh nặng.

Rồi người cũng vậy. Mình không thích người giả dối, mình ghét người bủn xỉn, người nhỏ mọn, người hay ganh tị là đúng. Nhưng ghét đây không có nghĩa là mình không hoan hỷ với họ, không có sẵn sàng sống chung với họ. Điều đó không có nghĩa là mình căm thù bất cứ ai. Thánh nhân có câu: “Hate the sin, but love the sinner” — Hãy ghét điều ác nhưng hãy yêu kẻ xấu.

Theo tinh thần Phật pháp mình thì trên đời không có ai dễ ghét hết. Chỉ có hai hạng người: đáng thương và dễ thương. Người xấu là người đáng thương và người lành là người dễ thương.

Nếu mình không hiểu điều này, mình rất dễ rơi vào trường hợp loại người thứ nhất, đó là lòng hiềm hận, tức tối, bất mãn, mình mang nó theo cả đời. Đừng để cái bất mãn nào trở thành vết hằn trên đá! Vết hằn trên đá là không được, dầu yêu dầu ghét.

Các vị trong room có thể chịu nổi cách nghĩ bạc lòng này của tôi, nhưng tôi trong quan điểm từ góc nhìn của một thầy tu, một giảng sư, tôi phải nói thiệt, là yêu hoặc là hận mà đến mức đá nát vàng phai thì chỉ khổ lòng, cực lòng, khổ tâm thôi. Bởi nhiều lý do. Mình mang theo nó được bao xa. Mình không kịp phụ người thì người cũng phụ ta.

Thứ hai là nếu tiếp tục sống tới 92, 98, thử coi người nào bị lẫn, bị Alzheimer trước. Cuộc tình nào cũng phai. Chưa kể một hơi thở ra mà không có vào, mình tắt hơi đi luôn, qua đời sau kiếp khác, thì liệu còn có dịp gặp nhau nữa không, liệu có lần trùng sinh tái ngộ nữa không. Cơ hội làm người hiếm hoi như rùa mù ngoài biển, nói gì cơ hội gặp lại nhau.

Mà phải có bốn điều tương đồng mới hy vọng gặp lại nhau: là trí tuệ tương đồng, giới hạnh tương đồng, bổ thí tương đồng, và chánh tín tương đồng. Chớ đa phần nếu mà phước nghiệp chênh lệch nhau thì mỗi kẻ đi một đường. Mà nếu có may mắn gặp lại nhau thì gặp cái kiểu mà như Trương Chi, My Nương thì chỉ thêm đau lòng:

“Người đâu gặp gỡ làm chi.

Trăm năm biết có duyên gì hay không”.

Cho nên thương và hận thì cũng ở mức độ nào đó, chớ còn bày đặt bắt chước văn chương chữ nghĩa, thơ ca, nào là “đá nát vàng phai, thiên thu bất tuyệt, vĩnh cửu ngàn đời”. Cho nên thương còn không nên hằn lên đá, nói chi là hận.

Hạng người viết trên đất

Các vị biết mà, khắc trên đá nó lâu. Viết trên đất, sau một trận mưa, sau một loạt vết chân người, chân thú, thì còn lại gì trên mặt đất ấy. Cho nên loại thứ hai này nhẹ hơn

loại một một tí.

Hạng người viết trên nước

Loại thứ ba, lòng thương hận của họ như chữ viết trên nước.

Có chỗ kể bốn loại người tâm sân. Loại người mà lòng thương hận của họ như chữ viết trên cát. Nhưng ở đây chỉ kể có ba, bỏ trường hợp giống như trên cát đi. Bỏ cũng không phải là thiếu, vì mình hiểu Ngài nói cái gì. Đó là có hạng người dễ tha thứ, lòng họ nó trơn tuột, không có gì có thể đọng bám lâu ngày hết.

Các vị còn nhớ tôi thường nói: “Dục ái ở đâu, sân ở đó. Sân ở đâu, dục ái ở đó.” Người càng tham thích trong năm dục càng mãnh liệt thì lòng bất mãn càng lớn. Nghe!

Cái sâu của bài kinh này là ở chỗ đó: khi anh càng có nhiều cái thích thì chắc chắn anh càng có nhiều cái để bất mãn, sợ hãi, bức dọc, khó chịu.

Ba hạng người ở đây: thứ nhất, lòng thương hận nói chung như vết hằn trên đá. Loại thứ hai, lòng thương hận như chữ viết trên đất. Loại thứ ba là lòng thương hận của họ giống như chữ viết trên nước, có rồi mất.

Cuộc đời là một chuyến đi dài, cuộc hành trình thăm thăm. Coi cái gì thương, cái gì hận nó không đáng, bỏ bớt. Xin cứ xem cuộc đời như khúc hát. Đoạn nào buồn ta bỏ bớt cho vui.

Chúc các vị một ngày vui. Hẹn gặp nhau ngày mai!